

DÀNH CHO NHÀ NGHIÊN CỨU TRẺ

QUAN HỆ THÁI LAN - TRUNG QUỐC (1991 - 2000)

TH.S ĐINH HỮU THIÊN

Trường CDSP Hà Nam

Bước vào thời kỳ Hậu chiến tranh lạnh, nhiều nhân tố mới đã tác động tới quan hệ Thái – Trung. Sự hòa dịu trong môi trường quốc tế và khu vực, xu hướng hợp tác cùng phát triển ở Đông Nam Á đã thúc đẩy cả Thái lan và Trung Quốc điều chỉnh chính sách đối ngoại, trong đó có chính sách đối với nhau. Thái Lan cần duy trì và phát triển quan hệ với Trung Quốc để giữ vững sự ổn định chính trị và khắc phục một phần những khó khăn về kinh tế nảy sinh từ những biến đổi trong môi trường kinh tế quốc tế. Trung Quốc cần Thái lan làm cầu nối với ASEAN và làm lực lượng dự trữ để kiềm chế Việt nam, khi cần thiết. Nguồn FDI từ Thái, tiềm năng thị trường ngày càng mở rộng của nước đang trên con đường trở thành NICs cũng là những nhân tố quan trọng được Trung Quốc tính tới khi hoạch định chính

sách đối với Thái Lan ở thời kỳ Hậu chiến tranh lạnh.

Chính nhu cầu tăng cường hợp tác với nhau giữa Thái Lan và Trung Quốc đã tạo cơ sở cho mối quan hệ này tiếp tục phát triển trong những năm sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt.

1. Hợp tác chính trị ngoại giao và an ninh

Trong bối cảnh đang diễn ra những biến đổi lớn trong môi trường an ninh khu vực thập kỷ đầu sau Chiến tranh lạnh, Thái Lan cũng như các nước Đông Nam Á khác đã tiến hành điều chỉnh chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế của họ nhằm thích ứng với biến đổi địa – chính trị với sự thay đổi trật tự quyền lực trong khu vực.

Về cơ bản, chính sách đối ngoại của Thái Lan là đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế nhằm góp phần duy trì hòa bình, an ninh trong khu vực và thu hút các nguồn lực bên ngoài vào phát triển

đất nước. Trong quan hệ với các nước lớn, Thái Lan đã cố gắng duy trì sự cân bằng. Bởi vì, những biến động trong môi trường địa chính trị Đông Á vẫn đang tiếp tục, trật tự khu vực còn chưa thật sự định hình. Môi trường chính trị an ninh khu vực hiện nay đang tồn tại trên những biến số. Mặc dù trong những năm qua, Trung Quốc luôn tìm cách hiện diện trước Đông Nam Á như một “cường quốc lành” (benign power), nhưng không ai có thể hiểu được những ý định thật sự của Trung Quốc đối với khu vực.

Từ sau khi Chiến tranh Đông Dương kết thúc cho tới hết thập niên đầu của thời kỳ Hậu chiến tranh lạnh, Hoa Kỳ vẫn chưa thật sự chú ý tới Đông Nam Á. Nhật Bản chưa thể có ảnh hưởng chính trị mạnh mẽ tại khu vực này... Khi trật tự khu vực chưa định hình rõ rệt, thì việc cân bằng ảnh hưởng của các nước lớn trên bình diện khu vực cũng như trên bình diện quốc gia là một chính sách khôn ngoan mà Thái Lan cần lựa chọn.

Với những tính toán như vậy, Thái Lan vẫn tiếp tục duy trì quan hệ chính trị với Trung Quốc. Các thành viên Hoàng gia, các thế hệ Thủ tướng, Chủ tịch Quốc hội và các nhà lãnh đạo quân đội đã lần lượt đến thăm Trung Quốc. Đáp lại, các nhà lãnh đạo cao cấp của Trung Quốc cũng đến thăm Thái Lan.

Không chỉ duy trì quan hệ song phương về chính trị- ngoại giao với Trung Quốc, Thái Lan còn đóng vai trò dẫn đường cho Trung Quốc tiếp cận

ASEAN và các cơ chế hợp tác khu vực do ASEAN lập ra. Một trong những ví dụ về hướng hoạt động này là vận động Trung Quốc tham gia Diễn đàn an ninh khu vực (ARF). Thật vậy, khi ý tưởng thành lập một diễn đàn hợp tác an ninh đa phương ở Đông Nam Á được ASEAN đưa ra, Trung Quốc không hào hứng với ý tưởng này. Bởi vì họ không tin vào các sắp đặt đa phương trong khu vực. Theo cách nhìn của Trung Quốc, hai cơ chế hợp tác an ninh đa phương hùng mạnh nhất là khối NATO và Khối Vácsava ở thời kỳ Chiến tranh lạnh chỉ làm cho tình hình an ninh quốc tế thêm căng thẳng. An ninh thế giới không hề được đảm bảo bởi các khối hợp tác an ninh đa phương như vậy. Một cơ chế hợp tác an ninh đa phương ở Đông Nam Á cũng không phải là lựa chọn khôn ngoan nếu muốn duy trì an ninh ở khu vực này. Cũng như Mỹ, Trung Quốc ưa chuộng các thỏa thuận an ninh song phương.

Quan điểm trên của Trung Quốc gây lúng túng cho ASEAN. Bởi vì, một trong những mục tiêu ngầm mà ASEAN theo đuổi khi lập ARF là đưa Trung Quốc vào một khuôn khổ khu vực, dù lỏng lẻo, và giữ Mỹ, EU tiếp tục can dự về an ninh với khu vực.

Để giúp ASEAN thực hiện được mục tiêu thành lập ARF, với vai trò và uy tín trong ASEAN và là nước thân cận nhất với Trung Quốc, Thái Lan đã thuyết phục Trung Quốc tham gia và làm quen với đối thoại khu vực đa phương. Với những nỗ lực trên của các nhà lãnh đạo Thái và cân nhắc tới những lợi ích và bất lợi nếu

không tham gia vào diễn đàn này, Trung Quốc đã quyết định tham gia ARF. Từ sau khi tham gia ARF, Trung Quốc đã trở thành thành viên tích cực của diễn đàn. Những kinh nghiệm về ARF đã góp phần giúp Trung Quốc đề xuất và đóng vai trò quan trọng trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) sau này.

2. Quan hệ mậu dịch , đầu tư

2.1. Quan hệ mậu dịch

Quan hệ mậu dịch Thái Lan - Trung Quốc đã tăng đáng kể từ năm 1991 sau khi Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với ASEAN. Từ năm 1991 đến 2002, tổng giá trị mậu dịch giữa hai nước đã tăng 32% và tăng mạnh hơn sau khi Trung Quốc gia nhập WTO vào năm 2001. Mặc dù mậu dịch đối ngoại Thái Lan - Trung Quốc trong giai đoạn này phát triển theo chiều hướng đi lên, nhưng nó có sự giao động. Mậu dịch hai nước đã tới đỉnh cao với tốc độ tăng trưởng 61,5% vào năm 1995 do sự tăng trưởng cao của nền kinh tế Thái Lan và giảm giá đồng Nhân dân tệ vào đầu năm 1994 (từ 5,8% lên khoảng 8,3% Nhân dân tệ/ 1 USD). Từ năm 1996, ngoại thương giữa hai nước đi xuống do tăng trưởng kinh tế Thái Lan giảm ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ năm 1997 bùng nổ từ Thái Lan. Vào giai đoạn giữa khủng hoảng (1998), ngoại thương giữa Trung Quốc và Thái Lan giảm 10,5%. Sau đó, với những chính sách tích cực của Chính phủ Thái Lan, nền kinh tế phục hồi và việc giảm giá của đồng Bạc Thái sau khủng hoảng, quan hệ mậu

dịch Thái- Trung lại lên tới đỉnh cao một lần nữa với tốc độ tăng 21,4% và 43,7% trong các năm 1999, 2000⁽¹⁾. Nếu vào năm 1992, buôn bán với Trung Quốc mới chiếm 2,2% tổng giá trị ngoại thương của Thái Lan, tới năm 1999 và 2001 đã tăng lên lần lượt là 4%, 5,2% . Năm 2001, Trung Quốc đã trở thành đối tác mậu dịch lớn thứ tư của Thái Lan .

Nhìn chung, trước khủng hoảng tài chính năm 1997, sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Thái Lan sang Trung Quốc là các sản phẩm dựa vào nông nghiệp với cao su đứng đầu và chiếm tới 23,6% tổng giá trị xuất khẩu của Thái Lan sang Trung Quốc, tiếp theo là gạo 12,7%. Máy tính và linh kiện đứng hàng thứ ba chiếm 8,3% trong cùng thời kỳ. Trong đó mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Trung Quốc là dệt và quần áo may sẵn, các sản phẩm sắt, thép, sản phẩm hóa học và các hàng hóa khác⁽²⁾.

Nhưng từ năm 1997 về sau, xuất khẩu của Thái Lan sang Trung Quốc đã được đa dạng hóa từ các sản phẩm dựa trên nông nghiệp sang các hàng hóa công nghiệp và tiêu dùng như cấu kiện máy tính, sản phẩm hóa dầu, dầu thô và dầu tinh chế, cao su, sắn và các hàng hóa khác. Vào năm 2001, top 10 hàng xuất khẩu hàng đầu sang Trung Quốc đóng góp 61% tổng xuất khẩu của Thái Lan sang Trung Quốc, trong đó cấu kiện máy tính đứng hàng đầu chiếm 17,69% tổng giá trị xuất khẩu, tiếp theo là cao su (9,45%), đạn bắn chim bằng chất dẻo (plastic pellets) chiếm 7,6%, khí ga hóa lỏng (5,2%).

Trước khi Trung Quốc vào WTO, hàng xuất khẩu chủ yếu sang Thái Lan là mô tô điện và phụ tùng (18,01%), sản phẩm hóa chất (8,12%), quần áo (6,52%), linh kiện điện (4,11%). Đó là những mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Thái Lan và chiếm khoảng 60% tổng số xuất khẩu sang Thái Lan của Trung Quốc⁽³⁾.

2.2. Hợp tác đầu tư

- Đầu tư của Thái lan vào Trung Quốc

Để thúc đẩy hợp tác đầu tư, Chính phủ Thái Lan và Trung Quốc đã ký Hiệp định thúc đẩy và bảo hộ đầu tư lẫn nhau vào tháng 3/1985, khi Chủ tịch Lý Tiên Niệm của Trung Quốc thăm cấp nhà nước tới Thái Lan. Vào năm sau (1986), hai nước đã ký Hiệp định đánh thuế 2 lần. Từ đó quan hệ đầu tư giữa hai bên đã được xúc tiến.

Trong những năm 1990, nền kinh tế Trung Quốc phát triển với tốc độ cao, trung bình từ 7 – 8%/ năm. Sự phát triển của kinh tế Trung Quốc đã cung cấp cơ hội cho sự gia tăng tương tác kinh tế giữa Thái Lan và Trung Quốc.

Các công ty Thái Lan, mà chủ yếu là các tập đoàn của người Thái gốc Hoa đã xúc tiến đầu tư vào nền kinh tế Trung Quốc ngay từ trước khi chiến tranh lạnh chấm dứt. Trong thời gian từ 1985-1991, FDI của Thái Lan trong các liên doanh với các đối tác Trung Quốc đã có mặt ở 13 tỉnh Trung Quốc. Về giá trị, Thượng Hải chiếm khoảng 23%, tiếp theo là Phúc Kiến 17,5%, Hắc Long Giang 14% và Bắc Kinh 13,5% tổng giá trị FDI của các công ty

Thái tại Hoa lục. Về số lượng liên doanh,, Quảng Đông có 6 dự án, Thượng Hải và Liêu Ninh mỗi tỉnh 4⁽⁴⁾.

Nhà đầu tư Thái Lan lớn nhất ở Trung Quốc là Tập đoàn Charoen Popan (CP). Tập đoàn này xuất hiện ở Trung Quốc ngay sau khi Trung Quốc cải cách mở cửa năm 1978. CP đã mở rộng và đa dạng hóa các lĩnh vực đầu tư nhanh hơn trong thập niên 1990, đặc biệt sau chuyển thị sát phía Nam của Đặng Tiểu Bình vào năm 1992. Sau đó, đã có thêm nhiều công ty Thái Lan đầu tư vào Trung Quốc như Tập đoàn Ximăng Thái, Tập đoàn Liên minh Saha, Tập đoàn M-Thái... Đầu tư của Thái Lan ở Trung Quốc tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp dựa trên nông nghiệp, dệt và quần áo may sẵn, thiết bị điện, điện tử, thực phẩm, đồ uống, khách sạn, ngân hàng, phụ tùng ô tô, máy phát điện...

Tập đoàn CP có mặt ở 29 trong số 31 tỉnh và khu tự trị của Trung Quốc và đầu tư vào các lĩnh vực khác nhau như gia cầm, nông nghiệp, thức ăn gia súc, ngũ cốc, hạt giống, công nghệ sinh học và dầu thực vật... Nhìn chung, kinh doanh nông nghiệp là hạt nhân của Tập đoàn CP ở Trung Quốc (khoảng 100 trong tổng số 173 công ty của Tập đoàn CP đang kinh doanh ở Trung Quốc). Ngoài ra Tập đoàn CP còn đầu tư vào một số dự án như: sản xuất ô tô và công nghiệp ô tô, hóa dầu, phân phối bán lẻ, giải trí...

Trong thời gian diễn ra khủng hoảng tài chính- tiền tệ ở Thái Lan, FDI của nước này vào Trung Quốc đã giảm, thậm chí một

số công ty còn rút vốn khỏi Trung Quốc để cứu cơ quan kinh doanh đầu não ở quê hương. Vào cuối năm 1999, có 2.751 dự án đầu tư của Thái Lan ở Trung Quốc, với tổng vốn đăng ký lên tới 4,805 tỷ USD, trong đó vốn đưa vào thực hiện là 1787 tỷ USD. Trong năm 1999, các dự án đầu tư của Thái Lan được phê chuẩn là 120 với 250 triệu vốn đăng ký trong đó, vốn đưa vào thực hiện là 146 triệu USD giảm 9,77 % và 28,25 % so với năm 1998. Xét từ vốn đăng ký, năm 1999, Thái Lan đứng thứ 17 trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Trung Quốc⁽⁵⁾.

- Đầu tư của Trung Quốc vào Thái Lan

Trước năm 1985, hầu hết đầu tư của Trung Quốc ở Thái Lan là dưới hình thức mậu dịch, không phải sản xuất. Trong thập kỷ 1990, Trung Quốc đã đầu tư mạnh mẽ vào Thái Lan với đỉnh cao là năm 1994. Giá trị đầu tư của Trung Quốc vào Thái Lan trong năm đó là 2.882,3 triệu Bạt. Vào cuối năm 1999, các công ty liên doanh và công ty của riêng người Trung Quốc ở Thái Lan được Vụ Kinh tế và mậu dịch đối ngoại Trung Quốc phê chuẩn đầu tư vào Thái Lan là 212 với số vốn 193 triệu USD, trong đó đầu tư của phía Trung Quốc là 84,28 triệu USD. Riêng trong năm 1999 có 3 khoản đầu tư của Trung Quốc vào Thái Lan với số vốn 6,22 triệu USD trong đó vốn của Trung Quốc là 2,75 triệu⁽⁶⁾.

Nếu kể từ năm 1987 đến 2004, có tất cả 214 dự án đầu tư của các công ty Trung Quốc được Cục đầu tư Thái Lan (BOI) cho phép. Trong 214 dự án đó thì 139 dự án

hay 64,95% được phê chuẩn và được đảm bảo các ưu đãi đầu tư của BOI với tổng giá trị đầu tư lên tới 28.635,5 triệu Bạt. Đầu tư phổ biến nhất của Trung Quốc ở Thái Lan giai đoạn (1987 - 2004) là những lĩnh vực kinh doanh liên quan tới nông nghiệp 49 sự án chiếm 35,25% tổng dự án. Ngoài nông nghiệp, sản phẩm hóa chất và giấy; dệt, quần áo may sẵn; kim loại và máy móc cũng là những ngành đầu tư phổ biến của Trung Quốc với 26,17 và 17 dự án.

2.3. Viện trợ phát triển

Vào năm 1997, trong khi nền Thái Lan đang tiếp tục tăng trưởng với tốc độ khá cao, thì cơn bão khủng hoảng tiền tệ đã nổ ra tại nước này. Khủng hoảng không chỉ gây nên những thiệt hại nặng nề về kinh tế cho đất nước Thái Lan mà còn ảnh hưởng đến các nước ASEAN 6 gây nên tình trạng bất ổn về chính trị trong khu vực. Thái Lan là nước phải chịu những hậu quả nặng nề nhất, chính phủ đương nhiệm của nước này phải từ chức. Hoạt động của các tổ chức li khai vốn đã tạm lắng xuống do các cố gắng của chính phủ lại bùng phát ở 4 tỉnh miền Nam Thái Lan.

Cuộc khủng hoảng chính trị và kinh tế ở Thái Lan và một số nước Đông Nam Á đã ảnh hưởng tới lợi ích của các nước lớn trong khu vực, trong đó có Trung Quốc.

Việc đồng tiền của Thái Lan và một số nước Đông Nam Á mất giá đã làm cho hàng hóa của các nước này, vốn đã mất lợi thế cạnh tranh so với hàng hóa chế tạo cùng loại của Trung Quốc ở một số thị trường lớn trên thế giới, đã lấy lại được khả năng cạnh tranh của chúng. Khủng

hoảng kinh tế cũng khiến cho buôn bán hai chiều giữa Thái Lan và Trung Quốc bị giảm sút đáng kể. Tình hình bất ổn định chính trị ở Thái Lan và một số nước Đông Nam Á đã gây khó khăn không nhỏ cho cộng đồng người Hoa đang làm ăn sinh sống ở các nước đó.

Thực tế trên đã khiến các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhận thấy rõ hơn mối quan hệ tùy thuộc lẫn nhau giữa kinh tế Thái Lan và khu vực ASEAN với kinh tế Trung Quốc. Giúp đỡ Thái Lan và các nước ASEAN khắc phục khủng hoảng tài chính – tiền tệ cũng là giúp đỡ cho chính nền kinh tế Trung Quốc. Hơn nữa, thông qua việc giúp đỡ này, Trung Quốc sẽ có cơ hội thể hiện mình như một cường quốc có trách nhiệm với khu vực, qua đó nâng cao hình ảnh của Trung Quốc trong con mắt các nhà lãnh đạo và nhân dân các nước Đông Nam Á.

Để giúp đỡ Thái Lan và các nước ASEAN khắc phục khủng hoảng tài chính tiền tệ, Trung Quốc đã tiến hành các biện pháp sau:

Thứ nhất, kiên trì không phá giá đồng Nhân dân tệ, mặc dù biết rằng làm như vậy, Trung Quốc có thể phải hi sinh những lợi ích kinh tế không nhỏ. Tại Hội nghị Thượng đỉnh không chính thức ASEAN lần thứ hai tổ chức ở Kuala Lumpur ngày 16/12/1997, Chủ tịch Trung Quốc lúc đó là ông Giang Trạch Dân đã cam kết với các nhà lãnh đạo ASEAN rằng Trung Quốc đã không phá giá đồng tiền của mình⁽⁷⁾.

Thứ hai, tích cực tham gia vào các chương trình tài trợ quốc tế để giúp cho

các nước Châu Á khắc phục khủng hoảng. Thông qua chương trình tài trợ của IMF, Trung Quốc đã đóng ba đợt vốn với tổng số tiền là 1, tỷ USD để tập giúp Thái Lan khắc phục khủng hoảng⁽⁸⁾.

Trung Quốc cũng là một trong 10 đối tác ASEM và là đối tác Châu Á duy nhất tham gia vào Quỹ tín thác ASEM, được lập ra theo quyết định của Hội nghị Thượng đỉnh Á – Âu lần thứ hai được tổ chức ở Luân Đôn tháng 4/1998 nhằm giúp đỡ Châu Á khắc phục khủng hoảng.

Những hoạt động trên của Trung Quốc đã tác động mạnh tới tư duy của các nhà lãnh đạo Đông Nam Á trong đó có Thái Lan về Trung Quốc, nhất là trong bối cảnh Hoa Kỳ, chỗ dựa về an ninh của Thái Lan, hầu như không có hành động riêng rẽ nào giúp Thái Lan khắc phục khủng hoảng, ngoài việc đóng góp vào các chương trình tài trợ đa phương trong khuôn khổ IMF. Chính nhận thức mới này đã kích lệ Thái Lan cũng như các nước ASEAN mạnh dạn hơn trong quan hệ với Trung Quốc. Bởi vậy, ngay sau khủng hoảng, nhất là từ những năm đầu thế kỷ XXI, quan hệ hợp tác song phương Thái Lan - Trung Quốc đã phát triển vượt bậc cả về chính trị, ngoại giao, kinh tế và an ninh.

2.4. Hợp tác trên các lĩnh vực khác

Trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật: Hai nước Thái Lan và Trung Quốc đã ký Hiệp định hợp tác khoa học kỹ thuật năm 1978 đã tạo điều kiện cho mối quan hệ hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa giới khoa học và cơ quan quản lý khoa học của hai nước. Đây là một lĩnh vực hợp tác quan trọng bởi

nó phù hợp với yêu cầu hiện đại hóa của hai nước. Kể từ đó đến nay, Thái Lan và Trung Quốc đã cử nhiều đoàn khoa học qua lại để khảo sát và học tập kinh nghiệm. Hiện nay, hai bên đang cố gắng triển khai một số chương trình cụ thể trong các lĩnh vực công nghệ sau thu hoạch, công nghệ sinh học, đào tạo và phát triển nguồn lực thông tin khoa học công nghệ, sở hữu công nghiệp... Đồng thời, mối quan hệ làm việc giữa giới khoa học hai nước cũng ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu.

Du lịch là một ngành dịch vụ vừa có vai trò kinh tế, vừa có ý nghĩa xã hội đối với cả Thái Lan và Trung Quốc. Bởi thế, thúc đẩy hợp tác giữa ngành du lịch được chính phủ hai nước khuyến khích. Kể từ khi Hiệp định hợp tác du lịch Thái Lan - Trung Quốc được ký kết năm 1993, mối quan hệ này đã được triển khai và vận hành tương đối tốt. Hai bên đã tiến hành trao đổi thông tin, kinh nghiệm, tổ chức các khóa đào tạo, phối hợp khảo sát các tuyến du lịch, hỗ trợ thăm dò thị trường và xúc tiến du lịch. Thái Lan đã có nhiều chương trình thu hút lượng khách đến từ Trung Quốc như tích cực thực hiện những biện pháp nhằm bảo vệ quyền lợi của khách du lịch Trung Quốc. Đồng thời, cơ quan du lịch của Thái Lan đã lập một văn phòng ở Bắc Kinh để phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan và chính quyền Trung Quốc. Những nỗ lực này góp phần không nhỏ vào việc tăng cường quan hệ giữa Trung Quốc với Thái Lan. Kết quả là số du khách Trung Quốc đến với Thái Lan ngày càng tăng. Năm 1999, du khách

Trung Quốc đến Thái Lan 799,504 lượt người và Trung Quốc đã trở thành thị trường du lịch lớn thứ hai của Thái Lan⁽⁹⁾.

Về mặt văn hóa: Quan hệ Thái Lan - Trung Quốc trên lĩnh vực văn hóa được dựa trên nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng, khuyến khích giao lưu, tăng cường hợp tác trên các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, báo chí, phát thanh truyền hình, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, giao lưu biểu diễn nghệ thuật, triển lãm, hợp đồng xuất bản. Trên cơ sở đó, hai nước đã ký Bản ghi nhớ trao đổi hợp tác văn hóa năm 1996.

Trong lĩnh vực y tế, Thái Lan và Trung Quốc đã ký Bản ghi nhớ trao đổi hợp tác lĩnh vực được phẩm và khoa học y học năm 1997. Hai bên có sự trao đổi các đoàn y tế với nhau, chia sẻ kinh nghiệm và trao đổi thông tin, hội thảo khoa học, hội nghị y tế hàng năm. Đặc biệt hai nước đã hợp tác chặt chẽ dập tắt đại dịch SARS vào đầu thế kỷ XXI.

Hợp tác trong giáo dục cũng được chính phủ hai nước quan tâm. Thái Lan - Trung Quốc đã ký Bản ghi nhớ trao đổi hợp tác giáo dục đại học năm 1999. Hàng năm đã có sự ký kết giữa các trường đại học của hai nước về hợp tác phát triển. Số học sinh, sinh viên du học qua lại giữa hai nước không ngừng gia tăng

Một lĩnh vực hợp tác quan trọng khác trong quan hệ Thái - Trung là các vấn đề an ninh phi truyền thống, đặc biệt là phòng chống buôn bán và sử dụng các chất ma túy. Thái Lan và Trung Quốc đã ký Bản ghi nhớ tăng cường hợp tác chống ma

túy (năm 2000), bởi vì, hai nước đều nằm trong khu vực điểm nóng của tệ nạn này.

Những hoạt động hợp tác trên tất cả các lĩnh vực trên đã đưa quan hệ Thái-Lan lên bình diện mới. Năm 1999 – năm bản lề của thiên niên kỷ mới, các nhà lãnh đạo cấp cao nhất của Trung Quốc đã dồn dập tới thăm Thái Lan như Chủ tịch Giang Trạch Dân, ủy viên Trưởng Lý Bằng... Mở đầu cho những chuyến thăm của lãnh đạo Trung Quốc tới Thái Lan là chuyến thăm của Bộ trưởng Ngoại giao Đường Gia Triều (2/1999). Trong chuyến thăm này Bộ trưởng Ngoại giao Đường Gia Triều và người đồng cấp Thái Lan ông Xurin Pitxawan đã ký với nhau bản “Tuyên bố chung về kế hoạch hành động cho thế kỷ XXI” ngày 5/2/1999.

Tuyên bố chung về kế hoạch hành động cho thế kỷ XXI giữa Thái Lan và Trung Quốc đã đưa ra một kế hoạch khá cụ thể, chi tiết và toàn diện. Nó bao gồm đầy đủ các mối quan hệ song phương giữa hai nước về kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng, nông nghiệp, khoa học kỹ thuật, thương mại đường biển, chương trình lưu vực sông Mê Công... Bộ Ngoại giao Thái Lan tỏ ra rất hài lòng về tuyên bố chung có tính chất bước ngoặt thế kỷ này. Đây là một kế hoạch có tầm cỡ vì nó là kế hoạch hợp tác cùng phát triển giữa Thái Lan và Trung Quốc trong suốt một trăm năm tới. Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc nói: “Việc hai nước đề ra kế hoạch hợp tác cho thế kỷ XXI bằng văn bản là một sự kiện chưa từng có trên thế giới. Tuyên bố này thể hiện nguyện vọng của chính phủ và

nhân dân hai nước đối với quyết tâm tăng cường mối quan hệ hữu nghị Trung Quốc – Thái Lan từ thế hệ này sang thế hệ khác. Trong biên niên sử các mối quan hệ song phương, tuyên bố này có một ý nghĩa lớn lao với tư cách là cầu nối giữa quá khứ với hiện tại và đưa sự nghiệp đó tiếp tục trong tương lai. Tuyên bố này đã khẳng định rõ khuôn khổ và phương hướng đối với việc thiết lập một kiểu quan hệ mới, thậm chí hữu nghị hơn và chặt chẽ hơn trong thế kỷ mới”⁽¹⁰⁾.

Đối với Trung Quốc, Tuyên bố chung về kế hoạch hành động cho thế kỷ XXI là một hành động chiến lược nhằm tìm một đồng minh vững chắc để chống lại ảnh hưởng của Mỹ. Đây chính là một bước tiến mới sau khi Trung Quốc đã thiết lập được đối tác chiến lược với nước Nga để kiểm chế ảnh hưởng của Mỹ. Đồng thời Trung Quốc cũng muốn dùng Tuyên bố chung này làm một tấm gương cho các nước ASEAN khác noi theo Thái Lan mà có những cam kết với Trung Quốc. Về điều này, Trung Quốc thực sự có lợi thế vì Trung Quốc đã gây được uy tín nhờ ứng xử của mình với các nước ASEAN nói chung, Thái Lan, nói riêng, trong cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ năm 1997.

Tuyên bố chung đã làm yên lòng và giải tỏa cho Thái Lan khỏi những điều rắc rối, nghi ngại còn tồn tại giữa hai nước trong các vấn đề chính trị, kinh tế và an ninh, thúc đẩy quan hệ Thái Lan - Trung Quốc phát triển tốt đẹp trong tương lai.

Trong Tuyên bố chung, hai nước thỏa thuận tiếp tục các cuộc tham khảo hàng

nằm giữa quan chức cấp cao cấp Bộ Ngoại giao của họ. Hai bên cùng thỏa thuận tăng cường hợp tác an ninh thông qua các biện pháp xây dựng lòng tin khác nhau như thúc đẩy hợp tác giữa các cơ quan an ninh, nghiên cứu chung về các vấn đề chiến lược và an ninh, thúc đẩy tham khảo về các vấn đề an ninh giữa các sĩ quan quân sự và ngoại giao, chia sẻ kinh nghiệm giữa giới quân sự hai nước về cứu trợ nhân đạo và ngăn ngừa thảm họa.

Thái Lan là nước đầu tiên ở Đông Nam Á ký một tuyên bố chung như vậy. Động cơ thúc đẩy Thái Lan có hành động này là nhận thức của họ rằng Trung Quốc với sự phát triển kinh tế nhanh chóng của nó, sẽ đóng vai trò quan trọng ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương trong thế kỷ XXI. Thái Lan muốn mở rộng sự can dự với Trung Quốc và hưởng lợi từ sự phát triển của Trung Quốc.

Kết luận

Như vậy, ở giai đoạn 1991-2000, quan hệ Thái- Trung là sự kế thừa và tiếp tục phát triển của sự hợp tác giữa hai bên trong giai đoạn trước. Tuy nhiên, so với giai đoạn từ 1975-1991, quan hệ Thái- Trung đã có sự thay đổi. Đó là chuyển từ hợp tác chiến lược sang hợp tác kinh tế cùng có lợi. Thái Lan là một trong những nhà đầu tư lớn của ASEAN ở Trung Quốc. Trung Quốc đã trở thành một thị trường xuất khẩu hàng hóa quan trọng của Thái Lan. Các lĩnh vực hợp tác khác đã được triển khai, nhưng chưa mạnh.

Quan hệ Thái- Trung đã có những bước tiến lớn trong giai đoạn 2001- 2006.

Những nhân tố chính thúc đẩy sự phát triển của mối quan hệ này là nhận thức mới của Thái Lan về vai trò của Trung Quốc đối với hòa bình, an ninh và phát triển của Đông Nam Á nói chung, Thái Lan nói riêng; là vai trò và vị trí của Thái Lan trong chính sách Đông Nam Á của Trung Quốc trong bối cảnh Mỹ trở lại Đông Nam Á.

CHÚ THÍCH:

(1) Sompop Manarungsan , Thailand – China Cooperation in Trade, Investment and Official Assistance, thailandandchina.pdf

(2), (3) Như trên

(4) Dẫn theo Bala Ramasamy and Venus T. Viana, “ASEAN’S FOREIGN DIRECT INVESTMENT INTO THE PEOPLE’S REPUBLIC OF CHINA Discussion Paper No. 95.12 - September 1995 ISSN. 1172-3602 ASEAN’S FOREIGN (Commer.masey.ac.nz/publications/discuss/dp-9512.pdf). tr.10

(5) Economic and Trade relations between China and Thailand

(6) Tài liệu trên

(7) Dẫn theo tin Tham khảo đặc biệt của TTXVN, ngày 18/12/1997

(8) Economic and Trade relations between China and Thailand (<http://chinagate.cn/english/365.htm>)

(9) Mai Đại Hải, Quan hệ Trung Quốc – ASEAN, Luận văn Thạc sĩ khoa học Lịch sử, ĐHSP Hà Nội, 2006, trang 66

(10) Dẫn theo Nguyễn Thị Quế (2006): Thái Lan những năm cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI... trang 77 - 78

